

Số: /TB-SGDĐT

Khánh Hòa, ngày tháng 5 năm 2026

## THÔNG BÁO

### Truyền thông dự thảo Nghị quyết quy định nội dung và mức chi hỗ trợ; học bổng; khen thưởng trong lĩnh vực giáo dục và đào tạo trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa

Căn cứ Công văn số 296/TT-VP ngày 08/5/2026 của Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh Khánh Hòa về việc phúc đáp nội dung trình của Ủy ban nhân dân tỉnh tại các Tờ trình số 5141/TTr-UBND ngày 13/4/2026; số 5142/TTr-UBND ngày 13/4/2026; số 5169/TTr-UBND ngày 14/4/2026; Công văn số 6280/UBND-KGVX ngày 12/5/2026 của UBND tỉnh về việc khẩn trương xây dựng, trình dự thảo các Nghị quyết thuộc lĩnh vực giáo dục và đào tạo.

Căn cứ Điều 3 Nghị định số 78/2025/NĐ-CP ngày 01/4/2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật; Sở Giáo dục và Đào tạo thực hiện truyền thông dự thảo Nghị quyết quy định nội dung và mức chi hỗ trợ; học bổng; khen thưởng trong lĩnh vực giáo dục và đào tạo trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa, cụ thể như sau:

- Hình thức: đăng tải trên Trang Thông tin điện tử của Sở Giáo dục và Đào tạo tại link: <https://khanhhoa.edu.vn/>
- Thời gian truyền thông: được thực hiện từ khi tổ chức lấy ý kiến đến khi Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành Nghị quyết.
- Nội dung truyền thông: chi tiết tại Phụ lục kèm theo.

Sở Giáo dục và Đào tạo đề nghị các đơn vị trực thuộc Sở và Ủy ban nhân dân xã, phường, đặc khu chỉ đạo các cơ sở giáo dục thuộc thẩm quyền quản lý tổ chức tuyên truyền dự thảo Nghị quyết đến cán bộ, công chức, viên chức, người lao động và phụ huynh học sinh được biết và góp ý./.

#### Nơi nhận:

- MTTQ Việt Nam tỉnh;
- Các Sở, ban, ngành;
- UBND xã, phường, đặc khu;
- Các đơn vị thuộc và trực thuộc Sở;
- Website;
- Lưu: VT, GDMNPT (PDT).

**KT. GIÁM ĐỐC**  
**PHÓ GIÁM ĐỐC**

**Lê Đình Thuần**

**Phụ lục**  
**NỘI DUNG TRUYỀN THÔNG**

*(Kèm theo Thông báo số /TB-SGDĐT ngày tháng 5 năm 2026 của Sở Giáo dục và Đào tạo)*

Quy định một số nội dung và mức chi hỗ trợ, học bổng, khen thưởng trong lĩnh vực giáo dục và đào tạo tỉnh Khánh Hòa (2026)

**Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng**

1. Phạm vi điều chỉnh

Quy định nội dung và mức chi hỗ trợ; học bổng; khen thưởng cho cán bộ, công chức, viên chức và học sinh tham gia các kỳ thi, cuộc thi, hội thi và trong lĩnh vực giáo dục và đào tạo trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa.

Những nội dung khác về hỗ trợ; học bổng; khen thưởng không điều chỉnh trong quy định này thực hiện theo quy định hiện hành của Nhà nước.

2. Đối tượng áp dụng

Các cơ sở giáo dục, cơ quan quản lý nhà nước về giáo dục và đào tạo thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Khánh Hòa.

Các tổ chức, cá nhân khác có liên quan được cơ quan có thẩm quyền giao tổ chức và tham gia các kỳ thi, cuộc thi, hội thi.

**Điều 2. Nội dung và mức chi**

**I. Chế độ hỗ trợ học bổng dân tộc thiểu số, miền núi**

1. Trẻ mầm non

a) Tiền ăn trưa	b) Đồ dùng học tập	c) Chi phí học tập	d) Kinh phí trông trưa	e) Nhân viên nấu ăn
450.000 đồng/trẻ/tháng, 9 tháng/năm	1.350.000 đồng/trẻ/năm, chi đầu năm học	150.000 đồng/trẻ/tháng, 9 tháng/năm	700.000 đồng/lớp/tháng, 9 tháng/năm	4.700.000 đồng/tháng/45 trẻ, tối đa 5 mức hỗ trợ/trường, 9 tháng/năm

2. Học sinh tiểu học

a) Có ăn trưa tại trường	b) Không ăn trưa tại trường
450.000 đồng/học sinh/tháng, hưởng 9 tháng/năm	270.000 đồng/học sinh/tháng, hưởng 9 tháng/năm

## 3. Học sinh trung học

- |   |   |  |
|---|---|--|
| a) THCS<br>500.000 đồng/học sinh/tháng, 9 tháng/năm | b) THPT<br>650.000 đồng/học sinh/tháng, 9 tháng/năm | c) Học viên GDTX dân tộc thiểu số<br>Hưởng như THCS/THPT |
|---|---|--|

## 4. Học sinh dân tộc nội trú ôn thi tốt nghiệp

- |  |   |
|--|---|
| a) Hỗ trợ học sinh<br>- Tiền ăn: 60.000 đồng/ngày<br>- Tiền ở: 500.000 đồng/tháng<br>- Tài liệu ôn thi: 300.000 đồng/kỳ<br>- Đi lại: 300.000 đồng/tháng<br>- Tối đa: 2 tháng | b) Hỗ trợ nhà trường<br>- Giáo viên ôn thi: 100.000 đồng/tiết<br>- Thi thử: 50.000 đồng/học sinh/lần<br>- Quản lý lớp: 1.000.000 đồng/lớp/tháng |
|--|---|

## 5. Sinh viên, học sinh dân tộc thiểu số

- |  |  |  |
|--|--|--|
| a) Đại học<br>2.400.000 đồng/sinh viên/tháng, 10 tháng/năm | b) Cao đẳng, trung cấp<br>1.800.000 đồng/tháng, 10 tháng/năm | c) Điều kiện<br>Sau tốt nghiệp không về địa phương công tác phải hoàn trả kinh phí |
|--|--|--|

**II. Học bổng học sinh phổ thông**

## 1. Học sinh xuất sắc/học sinh giỏi

- |  |   |
|--|---|
| a) Mức học bổng: 220.000 đồng/học sinh/tháng, 09 tháng/năm | b) Chỉ tiêu tối đa: Tiểu học: 0,5%; THCS: 0,75%; THPT: 1,0% |
|--|---|

## 2. Học sinh lớp chuyên THPT chuyên

- |   |   |   |
|---|---|---|
| a) Học bổng thường xuyên<br>- Bình quân 700.000 đồng/tháng;<br>không thấp hơn 3 lần mức học phí trường THPT | b) Thương học kỳ<br>450.000 đồng/học sinh | c) Thương cả năm<br>900.000 đồng/học sinh |
|---|---|---|

**III. Hỗ trợ gặp mặt và khen thưởng học sinh, sinh viên dân tộc thiểu số**

## 1. Hỗ trợ gặp mặt

- |   |  |  |
|---|--|--|
| a) Đi lại cá nhân<br>300.000 đồng/người | b) Đi lại theo đoàn<br>Thanh toán theo hóa đơn thực tế | c) Liên hoan gặp mặt<br>200.000 đồng/người |
|---|--|--|

## 2. Khen thưởng học tập

## a) Đại học

- Xuất sắc: 2.400.000 đồng
- Giỏi: 1.800.000 đồng
- Khá: 1.400.000 đồng

## b) Cao đẳng/Trung cấp

- Xuất sắc: 1.800.000 đồng
- Giỏi: 1.400.000 đồng
- Khá: 1.000.000 đồng

## c) THPT lớp 12

- Xuất sắc: 1.400.000 đồng
- Giỏi: 1.000.000 đồng
- Khá: 600.000 đồng

**IV. Khen thưởng học sinh, sinh viên tham gia kỳ thi, hội thi**

## 1. Thi tốt nghiệp THPT

- Thủ khoa tốt nghiệp: 10.000.000 đồng
- Thủ khoa đại học: 7.000.000 đồng
- Thủ khoa khối thi: 5.000.000 đồng
- Từ 36 điểm trở lên: 3.600.000 đồng
- 32 đến dưới 36 điểm: 2.400.000 đồng
- 28 đến dưới 32 điểm: 1.800.000 đồng
- Học sinh DTTS 26 đến dưới 28 điểm: 1.400.000 đồng

## 2. Thi cấp tỉnh

## a) Đơn vị

- Nhất: 4.000.000 đồng
- Nhì: 3.200.000 đồng
- Ba: 2.400.000 đồng
- Khuyến khích: 1.600.000 đồng

## b) Cá nhân

- Nhất: 1.800.000 đồng
- Nhì: 1.400.000 đồng
- Ba: 1.000.000 đồng
- Khuyến khích: 600.000 đồng

## 3. Thi quốc gia

- Nhất: 30.000.000 đồng
- Nhì: 20.000.000 đồng
- Ba: 10.000.000 đồng
- Khuyến khích: 5.000.000 đồng

## 4. Chọn đội tuyển quốc gia dự thi Olympic khu vực, quốc tế: 25.000.000 đồng/học sinh tham gia

## 5. Olympic quốc tế/Khoa học kỹ thuật quốc tế, kỹ năng nghề

- Nhất: 100.000.000 đồng
- Nhì: 80.000.000 đồng
- Ba: 50.000.000 đồng
- Khuyến khích: 30.000.000 đồng

## 6. Thẻ dự thể thao, Hội khỏe Phù Đổng, Quốc phòng an ninh,..

- |                                |                                |                                |                                |
|--------------------------------|--------------------------------|--------------------------------|--------------------------------|
| a) Cá nhân                     | b) Đôi/toàn năng               | c) Đồng đội 3–4 người          | d) Tập thể từ 5 người          |
| - Nhất: 1.400.000 đồng         | - Nhất: 1.800.000 đồng         | - Nhất: 2.200.000 đồng         | - Nhất: 2.600.000 đồng         |
| - Nhì: 1.000.000 đồng          | - Nhì: 1.400.000 đồng          | - Nhì: 1.800.000 đồng          | - Nhì: 2.200.000 đồng          |
| - Ba: 700.000 đồng             | - Ba: 1.000.000 đồng           | - Ba: 1.400.000 đồng           | - Ba: 1.800.000 đồng           |
| - Khuyến khích: 400.000 đồng   | - Khuyến khích: 700.000 đồng   | - Khuyến khích: 1.000.000 đồng | - Khuyến khích: 1.400.000 đồng |
| đ) Tập thể từ 11 người         | e) Toàn đoàn                   | g) Hội khỏe măng non           |                                |
| - Nhất: 7.000.000 đồng         | - Nhất: 12.000.000 đồng        | Áp dụng 60% mức thưởng         |                                |
| - Nhì: 5.600.000 đồng          | - Nhì: 8.000.000 đồng          | tương ứng                      |                                |
| - Ba: 4.200.000 đồng           | - Ba: 6.000.000 đồng           |                                |                                |
| - Khuyến khích: 2.800.000 đồng | - Khuyến khích: 3.000.000 đồng |                                |                                |

#### **V. Khen thưởng cán bộ, giáo viên**

1. Cán bộ, công chức, viên chức tham gia hội thi cấp tỉnh: Đạt yêu cầu: 1.400.000 đồng/người
2. Giáo viên bồi dưỡng học sinh đạt giải: Hưởng theo mức thưởng của học sinh đạt giải
3. Huấn luyện viên

a) Nội dung cá nhân/đồng đội  
100% mức thưởng học sinh

b) Tập thể  
- Huấn luyện viên trưởng: 100%  
- Trợ lý: 70%

#### **VI. Nguyên tắc thực hiện**

1. Cấp xã, trường THPT trực thuộc Sở: 70% mức thưởng cấp tỉnh
2. Cấp trường thuộc Xã: 50% mức thưởng cấp tỉnh
3. Cấp quốc gia: 1,5 lần cấp tỉnh
4. Cấp khu vực/quốc tế: 4 lần cấp tỉnh

#### **VII. Nguồn kinh phí**

1. Ngân sách tỉnh: Đảm bảo nhiệm vụ do Sở GD&ĐT chủ trì
2. Ngân sách xã: Đảm bảo nhiệm vụ cấp xã
3. Cơ quan, đơn vị: Tự cân đối từ kinh phí được giao

#### **VIII. Tổ chức thực hiện**

1. UBND tỉnh: Tổ chức triển khai thực hiện
2. HĐND tỉnh: Giám sát thực hiện
3. Hiệu lực: Có hiệu lực từ ngày ký.
4. Văn bản hết hiệu lực
  - Nghị quyết 17/2012/NQ-HĐND
  - Nghị quyết 27/2012/NQ-HĐND
  - Nghị quyết 02/2015/NQ-HĐND
  - Quyết định 22/2023/QĐ-UBND./.